

# Khu BTTN Bi Đúp-Núi Bà

## Tên khác

Thượng Đa Nhim

## Tỉnh

Lâm Đồng

## Tình trạng

Nghị định

## Ban quản lý được thành lập

Có

## Vĩ độ

12°00' - 12°19' vĩ độ Bắc

## Kinh độ

108°21' - 108°44' kinh độ Đông

## Vùng địa lý sinh học

Mb - Cao Nguyên Đà Lạt



## Tình trạng bảo tồn

Theo Quyết định Số 194/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ký ngày 9/8/1986, Bi Đúp Núi Bà là hai khu bảo tồn thiên nhiên riêng biệt: Khu Núi Bà có diện tích 6.000 ha, và Khu Thượng Đa Nhim có diện tích 7.000 ha. Cả hai khu này về sau được nhập lại tạo nên cơ sở của việc thành lập khu bảo tồn thiên nhiên Bi Đúp-Núi Bà (Bộ NN và PTNT 1997).

Trước năm 1993, vùng này do các ban quản lý rừng đầu nguồn hồ thủy điện Đa Nhim, lâm trường Lạc Dương và rừng đặc dụng Lâm Viên quản lý. Tuy vậy, ngày 22/12/1993, trách nhiệm quản lý đối với khu bảo tồn thiên nhiên Bi Đúp-Núi Bà đã được chuyển sang cho ban quản lý khu bảo tồn mới thành lập theo quyết định số 1496/QĐ-UBTC của UBND tỉnh Lâm Đồng (Anon. 1995).

Năm 1995, dự án đầu tư của khu Bi Đúp-Núi Bà đã được Viện Điều tra Quy hoạch Rừng cùng hợp tác với Chi Cục Kiểm Lâm tỉnh Lâm Đồng xây dựng. Dự án đầu tư đã đề nghị thành lập khu bảo tồn thiên nhiên với diện tích 71.062 ha, bao gồm phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 50.503 ha và phân khu phục hồi sinh thái có diện tích 20.559 ha. Cuối năm đó, dự án đầu tư này đã được UBND

tỉnh Lâm Đồng và Bộ Lâm Nghiệp (cũ) phê duyệt (Anon. 1995).

Khu bảo tồn thiên nhiên Bi Đúp-Núi Bà cũng có trong danh sách các khu rừng đặc dụng Việt Nam quy hoạch đến năm 2010 với tổng diện tích 73.972 ha (Cục Kiểm lâm 1998). Tuy nhiên, theo Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lâm Đồng (2000), diện tích khu bảo tồn thiên nhiên là 72.573 ha. Khu này hiện nay do Sở NN và PTNT tỉnh Lâm Đồng quản lý (Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lâm Đồng 2000).

## Địa hình và thủy văn

Khu bảo tồn thiên nhiên Bi Đúp-Núi Bà ở huyện Lạc Dương thuộc Cao Nguyên Đà Lạt. Địa hình khu bảo tồn là vùng đồi núi, tất cả ở độ cao trên 1.400 m. Những cao điểm của khu bảo tồn là núi Lang Bian ở phía tây (hay Núi Bà), có độ cao 2.167m, và Núi Bi Đúp ở phía đông có độ cao 2.287m.

Khu bảo tồn thiên nhiên có 3 hệ thủy điển hình. Phía đông khu bảo tồn, các con suối xuất phát xung quanh núi Bi Đúp chảy vào sông Đa Nhim rồi đổ vào hồ chứa thủy điện Đa Nhim. Phía tây khu bảo tồn, các con suối bắt nguồn xung quanh vùng núi Lang Bian chảy vào hồ Đắc Kia rồi đổ về sông Đa Dung. Cuối cùng, các con suối bắt nguồn ở phía bắc của khu bảo tồn thiên nhiên

# Khu Bảo tồn Thiên nhiên Bi Đúp-Núi Bà

đổ vào sông Krông Nô, rồi chảy về phía tây rồi sau đó đổi sang hướng bắc trước khi nhập vào sông Srêpôk.

## Đa dạng sinh học

Có hai kiểu rừng chính ở khu bảo tồn thiên nhiên Bi Đúp-Núi Bà là rừng cây lá kim và rừng thường xanh. Rừng cây lá kim ưu thế bởi các loài Thông Ba lá *Pinus kesiya* có số lượng ít hơn loài thông nhựa *P. merkusii*. Loại rừng này có 21.019 ha tương đương 29% diện tích khu bảo tồn (Anon. 1995). Rừng cây lá kim thuộc kiểu thảm thực vật được hình thành do kết quả của hiện tượng cháy rừng xảy ra liên tiếp; ở những nơi rừng không bị cháy thì hiện diện là kiểu rừng thường xanh cây lá rộng (Eames 1995).

Rừng thường xanh có diện tích 36.069 ha hay 51% diện tích khu bảo tồn thiên nhiên (Anon. 1995). Có tỷ lệ lớn kiểu phụ rừng thường xanh lá rộng hỗn giao với rừng cây lá kim điển hình như các loài Thông Đà Lạt *Pinus dalatensis*, Bách xanh *Calocedrus macrolepis*, Pơ mu *Fokienia hodginsii* và Thông nàng *Podocarpus imbricatus*. Rừng thường xanh cây lá rộng phân bố ở hai đai độ cao chính là núi thấp và núi cao. Rừng lá rộng thường xanh núi thấp ưu thế bởi các loài trong các họ Dẻ Fagaceae và Long não Lauraceae, có các loài *Castanopsis indica*, *Lithocarpus* spp., *Quercus* spp., *Cinnamomum* spp. và *Litsea* spp. Rừng thường xanh núi cao đặc trưng bởi sự hiện diện của các chi Trâm *Syzygium* và Đỗ quyên *Rhododendron* (Eames và Nguyễn Cử 1994). Vùng núi cao, khu Bi Đúp- Núi Bà có một diện tích nhỏ (373 ha) đặc trưng bởi kiểu rừng lùn (Anon. 1995).

Khu bảo tồn thiên nhiên Bi Đúp-Núi Bà có thực vật đa dạng và đặc hữu ở mức cao. Trong thời gian điều tra thực địa trong năm 1993 và 1994 đã ghi nhận tổng số 827 loài thực vật có mạch trong vùng, trong đó có 87 loài đặc hữu cho vùng cao nguyên Trung bộ, Việt Nam. Biểu thị cho mức độ cao về tính đặc hữu của các loài thực vật là có 23 loài được mô tả trong vùng được mang tên gọi của các địa danh trong vùng như *dalatensis*, *bidoupensis* hay *langbianensis* (Anon 1995). Có

nhiều loài cây tìm thấy ở vùng Bi Đúp-Núi Bà được ghi trong Sách đỏ Việt Nam hay Danh sách các loài thực vật bị đe dọa toàn cầu của IUCN.

Khu hệ động vật của khu bảo tồn thiên nhiên Bi Đúp-Núi Bà cũng rất đa dạng về thành phần loài, và đặc trưng bởi tính đặc hữu cao. Hiện đã ghi nhận được tất cả 382 loài động vật có xương sống ở trong khu bảo tồn, bao gồm 89 loài thú, 202 loài chim, 62 loài bò sát và 29 loài ếch nhái (Anon. 1995). Các loài thú có liên quan đến bảo tồn đã ghi nhận tại đây bao gồm Vượn má hung *Hylobates gabriellae* và Bò tót *Bos gaurus* (Eames và Nguyễn Cử 1994). Thêm vào đó, dự án đầu tư đã cho thấy đã phát hiện được loài Mang lớn là loài đặc hữu Đông Dương *Megamuntiacus vuquangensis* ở trong ranh giới khu bảo tồn thiên nhiên (Anon. 1995).

Khu bảo tồn thiên nhiên Bi Đúp - Núi Bà nằm giữa Vùng Chim Đặc hữu Cao nguyên Đà Lạt (Stattersfield *et al.* 1998). Bảy trong số tám loài chim có vùng phân bố hẹp hiện có trong khu vực này, đó là Trĩ sao *Rheinardia ocellata*, Trèo cây mỏ vàng *Sitta solangiae*, Khướu đầu đen *Garrulax milleti*, Khướu đầu xám *G. vassali*, Khướu đầu đen má xám *G. yersini*, Khướu mỏ dài *Jabouilleia danjoui* và Sẻ thông họng vàng *Carduelis monguilloti* (Eames 1995).

## Các vấn đề về bảo tồn

Mức độ chung về sự tác động của con người lên khu bảo tồn thiên nhiên không lớn. Một trong các mối đe dọa lớn nhất đến đa dạng sinh học là tập quán du canh. Kết quả của là đã làm mất rừng, cùng với đó là sự gia tăng hiện tượng cháy rừng cây lá kim, trong đó loài ưu thế là Thông ba lá *Pinus kesiya*. Giá trị đa dạng sinh học của rừng cây lá kim thấp hơn so với rừng thường xanh, do vậy sẽ dẫn đến khuynh hướng làm suy giảm giá trị đa dạng sinh học của khu bảo tồn thiên nhiên (Eames và Nguyễn Cử 1994). Để nối liền các mảnh rừng thường xanh còn lại với nhau, Eames và Nguyễn Cử (1994) đã đưa ra đề xuất cần bảo vệ tốt hành lang rừng thông nhằm tăng thúc đẩy quá trình diễn thế sinh thái với rừng thường xanh.

# Khu Bảo tồn Thiên nhiên Bi Đúp-Núi Bà

Cùng với hiện tượng du canh, một trong các nguyên nhân chính làm mất rừng ở Bi Đúp-Núi Bà là hiện tượng đốt than và lấy củi. Đốt than dẫn đến việc làm huỷ hoại phần lớn rừng thường xanh ở vùng núi Bà. Qua thực tế chợ bán than củi ở thành phố Đà Lạt, cho thấy việc mở rộng khu trung tâm đô thị sẽ dẫn đến làm tăng sức ép lên các nguồn tài nguyên rừng ở khu bảo tồn thiên nhiên Bi Đúp-Núi Bà (Eames và Nguyễn Cử 1994).

Trong vài năm trước, nhiều nơi ở khu bảo tồn Bi Đúp-Núi Bà do lâm trường quản lý với hoạt động chính là khai thác gỗ với mục đích thương mại, tập trung vào khai thác chọn các loài cây có giá trị kinh tế cao như Pơ mu *Fokienia hodginsii*. Hệ thống đường khai thác đã được xây dựng dọc theo bìa rừng thường xanh để tiện việc khai thác các loài đó. Hiện nay các hoạt động khai thác thương mại trong vùng đã chấm dứt (Eames và Nguyễn Cử 1994).

Các mối đe dọa khác đến đa dạng sinh học ở vùng Bi Đúp- Núi Bà là việc khai thác quá mức các sản phẩm phi gỗ như thu hái phong lan để bán ở thành phố Đà Lạt (Eames và Nguyễn Cử 1994).

## Các giá trị khác

Giá trị kinh tế cơ bản của khu bảo tồn thiên nhiên là bảo vệ rừng đầu nguồn. Mất đi độ che phủ rừng sẽ dẫn đến kết quả là làm tăng lên một cách nghiêm trọng hậu quả của cả lũ lụt và hạn hán, gây tác động nguy hại đối với các cộng đồng dân cư sinh sống ở vùng hạ lưu, dựa vào nguồn nước các dòng suối bắt nguồn từ khu bảo phục vụ cho việc tưới tiêu và sinh hoạt hàng ngày. Khu vực rừng nằm trên các đai cao ở phía đông khu bảo tồn thiên nhiên đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ vùng đầu nguồn đập chứa nước của nhà máy thủy điện Đa Nhim.

## Các dự án có liên quan

Chưa có thông tin.

## Tài liệu tham khảo

Anon. (1990) [Investment plan for Da Nhim Hydropower Reservoir Watershed Protection Forest]. Da Lat: Da Nhim Watershed Protection Forest Management Board. In Vietnamese.

Anon. (1995) [Investment plan for Bi Dup-Nui Ba Nature Reserve, Lam Dong province]. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Anon. (1995) [Summary of investment plan for Bi Dup-Nui Ba Nature Reserve, Lam Dong province]. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Anon. (1995) Feasibility study of the Bidup-Nuiba Natural Reserve in Lam Dong: summary. Unofficial translation by BirdLife International.

Davis, S. D., Heywood, V. H. and Hamilton, A. C. eds. (1995) Centres of plant diversity: a guide and strategy for their conservation. Cambridge, U.K.: WWF and IUCN.

Eames, J. C. (1995) Endemic birds and protected area development on the Da Lat plateau, Vietnam. Bird Conservation International 5(4): 491-523.

Eames, J. C. and Nguyen Cu (1994) [A management feasibility study of Thuong Da Nhim and Chu Yang Sin Nature Reserves on the Da Lat plateau, Vietnam]. Hanoi: WWF Vietnam Programme and the Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Eames, J. C. and Nguyen Cu (1994) A management feasibility study of Thuong Da Nhim and Chu Yang Sin Nature Reserves on the Da Lat plateau, Vietnam. Hanoi: WWF Vietnam Programme and the Forest Inventory and Planning Institute.

Eames, J. C. and Robson, C. R. (1993) Threatened primates in southern Vietnam. Oryx 27(3): 146-154.

Eames, J. C., Robson, C. R. and Nguyen Cu (1994) A new subspecies of Spectacled Fulvetta

## Khu Bảo tồn Thiên nhiên Bi Đúp-Núi Bà

*Alcippe ruficapilla* from Vietnam. Forktail 10: 141-158.

Lam Dong Provincial FPD/Chi Cục Kiểm Lâm Lâm Đồng (2000) [FPD questionnaire]. Da Lat: Lam Dong Provincial Forest Protection Department. In Vietnamese.